QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép thành lập Hội Tâm lý — giáo dục học Việt Nam.

Hội Tâm lý — giáo dục học Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 374-CT ngày 27-12-1989 về việc cho phép thành lập Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Chỉ thị số 1-CT ngày 5-1-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Ban Vận động thành lập Hội Ngôn ngữ học Việt Nam và ý kiến của Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép thành lập Hội Ngôn ngữ học Việt Nam.

Hội Ngôn ngữ học Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 375-CT ngày 27-12-1989 về việc cho phép thành lập Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Chỉ thị số 1-CT ngày 5-1-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc quản lý tổ chức và hoạt động của các Hội quần chúng;

Xét đề nghị của Ban Vận động thành lập Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam và ý kiến của Bộ Văn hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Cho phép thành lập Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam.

Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam tự lo liệu mọi chi phí và phương tiện hoạt động.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
NGUYỄN KHÁNH

CÁC BỘ

LIÊN BỘ
TÀI CHÍNH — GIAO THÔNG VẬN TẢI

THÔNG TƯ liên Bộ số 58-TT/LB ngày 14-12-1989 bổ sung, sửa đổi một số điểm về thực hiện thu phí giao thông đường bộ đường sông.

Thi hành Quyết định số 211-HĐBT ngày 9-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thu phí giao thông đường bộ, đường sông và các Thông tư số 66-TT/LB ngày 4-12-1987, Thông tư số 56-TT/LB ngày 26-12-1988 của liên Bộ Tài chính — Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành việc thu phí giao thông đường bộ, đường sông đã đem lại kết quả đáng kể, tạo nguồn thu để hình thành quỹ sửa đường, đã

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965533378

thay thế được trên 50% nguồn cấp phát của ngân sách Nhà nước theo kế hoạch hàng năm.

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức thu phí được thuận tiện và đáp ứng một phần vốn cho việc sửa chữa đường, liên Bộ Tài chính — Giao thông vận tải quy định bổ sung, sửa đổi một số điểm như sau:

1. Trước đây quy định thu phí giao thông đường bộ, đường sông đối với các phương tiện vận tải dưới hai hình thức là thu phí theo đầu phương tiện và thu theo doanh thu cước vận tải. Nay quy định thống nhất một hình thức thu theo đầu phương tiện vận tải có đăng ký lưu hành. Mức thu cụ thể theo biểu kèm theo.

2. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1990, liên Bộ Tài chính — Giao thông vận tải thống nhất giao cho các Sở Giao thông vận tải tổ chức thu phí giao thông đường bộ, đường sông theo các quy định dưới đây:

— Các Sở Giao thông vận tải được giao nhiệm vụ thu phí giao thông vẫn phải sử dụng biên lai, ấn chỉ do cơ quan thuế công thương nghiệp phát hành và chịu sự quản lý của cơ quan thuế ở các địa phương về các mặt cấp phát, thanh toán, hướng dẫn và kiểm tra việc sử dụng biên lai, ấn chỉ theo đúng chế độ hiện hành.

— Các đơn vị làm nhiệm vụ trực tiếp thu phí giao thông ở các quận, huyện phải mở tài khoản thu phí giao thông tại Ngân hàng địa phương để gửi tiền phí đã thu được. Sở Giao thông vận tải quy định kỳ hạn cho các đơn vị chuyển toàn bộ số phí giao thông thu được vào tài khoản « Thu phí giao thông của Sở Giao thông vận tải ». Toàn bộ số tiền thu phí trên đây do Sở Giao thông vận tải thu được, trừ đi tỷ lệ phần trăm phí để sử dụng cho công tác thu (tỷ lệ này do Sở tài chính quy định từ 1 đến 3%); số còn lại phải nộp vào tài khoản riêng về thu phí giao thông mở tại Sở Tài chính theo định kỳ một tháng hai lần.

— Số tiền phí giao thông thu được, sẽ dành toàn bộ cho ngân sách địa phương để chi cho công tác duy tu sửa chữa đường giao thông thủy, bộ của các tỉnh, thành phố, đặc khu theo sự phân cấp quản lý đường của Hội đồng Bộ trưởng và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải. Đối với việc duy tu, sửa chữa đường thuộc Bộ Giao thông vận tải trực tiếp quản lý sẽ do ngân sách Trung ương cấp phát theo dự toán ngân sách của Bộ Giao thông vận tải được duyệt hàng năm.

3. Các loại phương tiện vận tải cơ giới đường bộ, đường sông của các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ dùng vào sản xuất kinh doanh thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập đều phải nộp phí giao thông theo chế độ hiện hành như các cơ quan và xí nghiệp dân sự.

4. Sở Giao thông vận tải phối hợp chặt chẽ với cơ quan cảnh sát giao thông, kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành thu phí giao thông tại địa phương. Dành một tỷ lệ 10% số tiền thu do phạt các chủ phương tiện vi phạm chế độ thu nộp phí giao thông để khuyến khích các tổ chức, cá nhân có công phát hiện việc man khai, trốn tránh nộp phí giao thông. Cần có mức thưởng thỏa đáng đối với lực lượng cảnh sát giao thông.

5. Các quy định trên đây áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 1990. Những quy định khác về chế độ thu phí giao thông đường bộ, đường sông không đề cập trong Thông tư này vẫn thực hiện theo Quyết định số 211-HĐBT ngày 9-11-1987 của Hội đồng Bộ trưởng và các Thông tư số 66-TTLB ngày 4-12-1987, Thông tư số 56-TTLB ngày 26-12-1988 của liên Bộ Tài chính — Giao thông vận tải quy định và hướng dẫn việc thu phí giao thông đường bộ, đường sông.

Bộ trưởng Bộ Tài chính
HOÀNG QUY
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
BÙI DANH LƯU

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

BIỂU MỨC THU PHÍ GIAO THÔNG đường bộ, đường sông

(kèm theo Thông tư liên Bộ số 58-TT/LB ngày 14-12-1989).

Loại phương tiện vận tải	Mức thu 1 tháng
A. PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ	
1. Xe ô-tô vận tải hàng hóa, đặc chủng.	
a) Xe ô-tô vận tải hàng hóa:	
– Các xe có tổng số tấn trọng tải và tự trọng dưới 13 tấn	12.000đ/T trọng tải
– Các xe có tổng số tấn trọng tải và tự trọng từ 13 tấn trở lên	24.000đ/T trọng tải
– Rơ-moóc kéo theo xe tải và đầu kéo bánh lốp	7.000đ/T trọng tải moóc
b) Xe đặc chủng (xe xúc, xe ủi, xe bánh xích) thu theo tấn tự trọng của xe.	10.000đ/T tự trọng
2. Xe ô-tô chở khách:	
– Loại xe chở khách từ 20 đến dưới 30 ghế	50.000đ/xe
– Loại xe chở khách từ 30 ghế trở lên	70.000đ/xe
– Xe Trôlây-buýt (xe điện bánh lốp)	40.000đ/xe
3. Xe du lịch, xe con:	
– Loại dưới 5 chỗ ngồi	20.000đ/xe
– Loại từ 5 chỗ ngồi trở lên	30.000đ/xe
4. Xe lam, xe máy kéo bông sen	30.000đ/xe
5. Xe mô tô 3 bánh, xích lô máy, xe máy lôi	20.000đ/xe
6. Xe máy loại 2 bánh:	
– Xe cỡ dưới 50 cm^3	1.500đ/xe
– Xe cỡ từ 50cm^3 trở lên	2.000đ/xe
7. Xe cần cẩu:	
– Xe cần cẩu bánh lốp thu theo đầu xe	60.000đ/xe
– Các xe cẩu bánh xích thu theo từng lần xe lăn bánh thực tế trên đường giao thông công cộng	50đ/Txe tự trọng/1km
8. Xe do súc vật kéo	20.000đ/xe
9. Xe ba gác, xích lô, xe đạp lôi	8.000đ/xe
B. PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG SÔNG	
1. Tàu chở hàng hóa	
– Loại dưới 100 tấn	1.000đ/tấn phương tiện
– Loại từ 100 tấn trở lên	2.000đ/tấn phương tiện
2. Tàu chở khách	
– Loại dưới 30 ghế ngồi	35.000đ/tàu
– Loại từ 30 ghế ngồi trở lên	55.000đ/tàu
3. Phương tiện vận tải thủy thô sơ kinh doanh vận tải	850đ/tấn phương tiện

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653378